



DANH SÁCH CÔNG NHẬN ĐIỂM THI TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
NGÀY THI 24 THÁNG 01 NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 13/QĐ-ĐHCNĐN ngày 24 tháng 02 năm 2016)

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Listening	Điểm Reading	Điểm TC	Lớp học	Ghi chú
1	1303865	Vũ Thị Phương	An	Nữ	10/03/1995	210	215	425	13CKT1	
2	1304584	Trần Tuấn	Anh	Nam	27/11/1995	345	320	665	13CMT1	
3	1303847	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	05/01/1995	300	235	535	13CMT1	
4	1304316	Mai Thị Hoàng	Anh	Nữ	28/04/1995	125	115	240	13CVP1	
5	1200977	Vũ Công	Chánh	Nam	18/05/1993	180	210	390	12COT1	
6	1302977	Lê Thị Ngọc	Châu	Nữ	10/05/1995	300	335	635	13CTP1	
7	1305125	Chu Đình	Chiến	Nam	25/09/1995	180	115	295	13CDD4	
8	1304801	Trần Thị Kiều	Chinh	Nữ	14/12/1995	170	140	310	13CDD4	
9	1305746	Vũ Ngọc	Chung	Nam	12/06/1991	140	340	480	13CTH1LT4	
10	1303197	Lại Văn	Chung	Nam	12/10/1994	160	140	300	13CTH1	
11	1408361	Nguyễn Văn	Có	Nam	21/02/1992	190	120	310	14CKT1LT2-03	
12	1406901	Bùi Văn	Cuờm	Nam	29/11/1986	165	130	295	14CTH1LT1	
13	1408347	Tạ Thị Đào	Đào	Nữ	17/03/1991	75	110	185	14CKT1LT2-03	
14	1305262	Nguyễn	Đạt	Nam	03/11/1995	255	325	580	13CMT1	
15	1305399	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	15/04/1990	190	265	455	13CTH1LT4	
16	1303322	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	23/04/1994	215	190	405	13CDD1	
17	1408346	Châu Thị Kim	Diệu	Nữ	26/08/1992	290	230	520	14CKT1LT2-03	
18	1304500	Hoàng Văn	Định	Nam	22/07/1993	130	270	400	13COT1	
19	1304322	Nguyễn Thị	Doạn	Nữ	07/01/1991	135	160	295	13CVP1	
20	1100575	Nguyễn Thành	Dur	Nam	15/07/1989	215	200	415	11COT01	
21	1201313	Nguyễn Đức	Dũng	Nam	17/06/1994	265	260	525	12COT1	
22	1303305	Lâm Quốc	Dũng	Nam	12/11/1992	140	260	400	13CDI1	
23	1202054	Đỗ Thị Khánh	Duyên	Nữ	11/11/1994	270	365	635	12CKT1	

24	1304372	Nguyễn Hồng	Gắm	Nữ	19/12/1994	210	170	380	13CDD2	
25	1408348	Đặng Thị	Giang	Nữ	07/07/1985	310	265	575	14CKT1LT2-03	
26	1303280	Trần Thị	Giang	Nữ	18/08/1994	195	190	385	13CQT1	
27	1205211	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	10/07/1988	100	125	225	12CKT1LT2-05	
28	1304019	Nguyễn Thị Xuân	Hạ	Nữ	14/08/1995	145	145	290	13CKT1	
29	1304738	Vũ Thị	Hải	Nữ	20/01/1995	240	235	475	13CDD4	
30	1408360	Phan Viết	Hải	Nam		150	145	295	14CKT1LT2-03	
31	1304328	Mai Thế	Hải	Nam	01/12/1994	140	140	280	13CDI1	
32	1303829	Phạm Thúy	Hằng	Nữ	10/05/1994	360	330	690	13CMT1	
33	1102022	Trần Thị Kim	Hằng	Nữ	11/11/1991	110	100	210	CDQT7ALT	
34	1303613	Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	01/06/1995	145	215	360	13CDD1	
35	1304153	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	13/11/1994	170	180	350	13CDD3	
36	1304447	Lê Thị	Hậu	Nữ	20/05/1995	300	330	630	13CDD2	
37	1303909	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	15/06/1995	110	110	220	13CDD3	
38	1303334	Hoàng Minh	Hiên	Nam	29/09/1995	130	190	320	13CTH1	
39	1408732	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	29/09/1983	100	200	300	14CKT1LT2-03	
40	1302939	Tường Thanh	Hoa	Nữ	30/05/1995	255	195	450	13CQT1	
41	1408349	Cao Thị	Hoa	Nữ	22/10/1992	215	220	435	14CKT1LT2-03	
42	1303608	Hoàng Đặng Kim	Hoa	Nữ	25/05/1994	115	100	215	13CKT1	
43	1408350	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	11/08/1992	125	130	255	14CKT1LT2-03	
44	1202359	Đào Văn	Hòa	Nam	11/03/1993	100	110	210	12CTH1	
45	1408731	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	05/01/1990	200	190	390	14CKT1LT2-03	
46	1304888	Trần Minh	Hoàng	Nam	20/08/1990	360	305	665	13CDI1	
47	1304893	Đoàn Thị Minh	Hoàng	Nữ	04/10/1995	175	170	345	13CDD4	
48	1408357	Trần Thị	Huệ	Nữ	15/12/1991	180	250	430	14CKT1LT2-03	
49	1100400	Lê Mạnh	Hùng	Nam	25/08/1993	215	240	455	11CCD01	
50	1304154	Thân Thị Thiên	Hương	Nữ	18/07/1995	195	240	435	13CDD3	
51	1303235	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	10/09/1995	355	365	720	13CQT1	
52	1304926	Dương Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/08/1995	165	95	260	13CDD4	
53	1305471	Lê Hoàng	Kha	Nam	15/05/1987	190	220	410	13CTH1LT4	
54	1303700	Thân Văn	Khang	Nam	19/05/1994	135	180	315	13CMT1	
55	1408768	Trần Văn	Khởi	Nam	03/02/1971	130	240	370	14CKT1LT2-03	
56	1202428	Bùi Trọng	Khuong	Nam	22/04/1994	140	325	465	12CTH1	
57	1408712	Lưu Thị	Khuyên	Nữ	12/10/1981	170	270	440	14CKT1LT2-03	

58	1304828	Đường Dầu	Kiến	Nữ	25/10/1995	325	330	655	13CQT1	
59	1303348	Mai Trúc Quỳnh	Lan	Nữ	19/08/1995	260	265	525	13CKT1	
60	1304763	Vũ Thị Hương	Lan	Nữ	05/08/1995	160	125	285	13CDD4	
61	1303842	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	26/06/1995	130	95	225	13CKT1	
62	1200992	Huỳnh Hoàng	Lộc	Nam	18/12/1994	275	255	530	12CQT1	
63	1304913	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	24/08/1994	130	60	190	13CMT1	
64	1406841	Nguyễn Gia	Long	Nam	21/07/1984	130	365	495	14CTH1LT1	
65	1408713	Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	21/10/1993	110	140	250	14CKT1LT2-03	
66	1305148	Trần Thị Bích	Ly	Nữ	01/08/1995	130	90	220	13CDD4	
67	1304324	Trần Thị	Mai	Nữ	26/05/1993	295	230	525	13CQT1	
68	1305428	Phan Quý	Mạnh	Nam	26/08/1988	270	145	415	13CTH1LTTC4	
69	1408352	Phạm Hoàng Nhật	Minh	Nam	10/11/1992	255	285	540	14CKT1LT2-03	
70	1408358	Trần Thị	Mơ	Nữ	03/10/1983	230	195	425	14CKT1LT2-03	
71	1408351	Nguyễn Ngọc	Mới	Nữ	10/03/1993	180	165	345	14CKT1LT2-03	
72	1201392	Lương Viễn Chánh	Mùi	Nữ	19/12/1994	90	145	235	12CQT1	
73	1305846	Phạm Nguyễn Hoài	Nam	Nam	06/12/1995	410	265	675	13CTH1LT4	
74	1202527	Phạm Sơn	Nam	Nam	26/05/1994	195	145	340	12CXD1	
75	1304556	Đoàn Phương	Nam	Nam	15/07/1994	170	110	280	13CMT1	
76	1408717	Nguyễn Ngọc	Nga	Nữ	14/11/1982	310	125	435	14CKT1LT2-03	
77	1303562	Đinh Thị	Ngà	Nữ	20/09/1995	125	95	220	13CDD1	
78	1406888	Đoàn Quang	Nghĩa	Nam	19/06/1992	145	130	275	14CTH1LT1	
79	1406147	Nguyễn Văn	Ngọ	Nam	20/01/1989	210	255	465	14CTH1LT1	
80	1303955	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	15/06/1995	360	195	555	13CDD3	
81	1304495	Ngô Thị	Nhài	Nữ	20/02/1994	310	370	680	13CDD2	
82	1305179	Trần Thế Đăng Thanh	Nhân	Nữ	20/10/1993	215	170	385	13CTH1	
83	1303379	Phạm Thị Phương	Nhi	Nữ	11/05/1994	240	235	475	13CTH1	
84	1304908	Phùng Thị Bích	Nhi	Nữ	15/03/1995	170	220	390	13CDD3	
85	1202094	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	Nữ	10/05/1994	195	175	370	12CKT1	
86	1304557	Ngô Thị	Nhi	Nữ	06/11/1994	165	110	275	13CDD4	
87	1304105	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	16/05/1995	135	110	245	13CMT1	
88	1202504	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	03/12/1993	305	235	540	12CDD2	
89	1304116	Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/07/1995	185	290	475	13CDD3	
90	1304889	Hồ Thị Cẩm	Nhung	Nữ	25/06/1995	175	220	395	13CDD4	
91	1304767	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	04/05/1993	165	140	305	13CDD4	

92	1302892	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	07/07/1987	150	85	235	13CKT2LT2	
93	1303606	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	19/05/1995	95	120	215	13CDD2	
94	1408088	Nguyễn Văn	Ninh	Nam	08/05/1991	90	80	170	14CTH1LT1	
95	1304566	Phạm Lâm	Oanh	Nữ	28/04/1994	265	330	595	13CDD2	
96	1406886	Vũ Thiện	Phước	Nam	08/10/1993	365	400	765	14CTH1LT1	
97	1304177	Bùi Thị Bích	Phuong	Nữ	05/06/1993	290	355	645	13CTP2	
98	1303724	Hoàng Minh	Phuong	Nữ	31/01/1995	280	255	535	13CTP1	
99	1304466	Lê Thị	Phuong	Nữ	20/10/1995	180	215	395	13CDD2	
100	1406571	Vũ Bá	Quyết	Nam	03/04/1987	270	335	605	14CĐII LT2-03	
101	1305028	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	24/07/1995	275	250	525	13CMT1	
102	07CTN0400	Nguyễn Ngọc	Sỹ	Nam	16/07/1989	240	285	525	07CTN	
103	1408714	Lê Thị	Tam	Nữ	27/09/1982	175	250	425	14CKT1LT2-03	
104	1303261	Đinh Thị	Thắm	Nữ	02/11/1995	295	380	675	13CDD1	
105	1406143	Dương Minh	Thắng	Nam	01/12/1992	280	355	635	14CTH1LT1	
106	1305059	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	Nữ	24/03/1995	280	335	615	13CDD3	
107	1303332	Trần Kim	Thanh	Nữ	17/08/1995	220	190	410	13CVP1	
108	1408345	Trần Thị	Thanh	Nữ	06/08/1992	160	170	330	14CKT1LT2-03	
109	1406968	Hoàng Quốc	Thành	Nam	15/07/1993	185	140	325	14CTH1LT1	
110	1406884	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	11/04/1992	295	265	560	14CTH1LT1	
111	1202513	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	07/03/1994	210	210	420	12CQT1	
112	1304866	Mai Xuân	Thảo	Nam	05/05/1993	95	270	365	13CĐII	
113	1408718	Phan Thị Bích	Thìn	Nữ	05/09/1989	170	140	310	14CKT1LT2-03	
114	1303271	Trần Thị Ngọc	Thoa	Nữ	13/03/1995	210	250	460	13CDD1	
115	1408715	Dương Thị Hoài	Thu	Nữ	09/02/1991	190	215	405	14CKT1LT2-03	
116	1305427	Vòng Chi	Thuận	Nam	26/04/1989	375	420	795	13CTH1LTTC4	
117	1305108	Lâm Thị	Thương	Nữ	15/11/1995	295	305	600	13CDD3	
118	1304693	Hồ Hoài	Thương	Nữ	29/11/1995	250	210	460	13CKT1	
119	1408354	Nguyễn Thị Thanh	Thương	Nữ	20/06/1993	175	175	350	14CKT1LT2-03	
120	1408359	Lê Thị	Thương	Nữ	10/06/1986	130	95	225	14CKT1LT2-03	
121	1408353	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	07/10/1991	190	235	425	14CKT1LT2-03	
122	1303198	Bùi Thị	Thủy	Nữ	15/04/1995	340	325	665	13CKT1	
123	1303302	Hoàng Thị	Thủy	Nữ	06/12/1994	290	175	465	13CDD1	
124	1408716	Lâm Văn	Toàn	Nam	21/03/1992	280	380	660	14CKT1LT2-03	
125	1202439	Nguyễn Minh	Toàn	Nam	19/09/1992	270	265	535	12CXD1	

126	1304370	Lê Thanh	Trà	Nữ	06/01/1995	130	250	380	13CQT1	
127	1303277	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	15/04/1994	170	195	365	13CDD1	
128	1303918	Ngô Thùy	Trang	Nữ	09/09/1995	310	385	695	13CDD3	
129	1406905	Dương Ngọc Thùy	Trang	Nữ	06/10/1995	170	220	390	14CTH1LT1	
130	1304901	Đặng Thị Yến	Trình	Nữ	07/04/1995	310	270	580	13CDD3	
131	1201935	Trịnh Xuân	Trung	Nam	04/06/1994	130	125	255	12CCD1	
132	1408045	Đậu Văn	Tuấn	Nam	02/08/1994	110	90	200	14CTH1LT1	
133	1200614	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	02/08/1993	95	65	160	12COT1	
134	1406171	Nguyễn Ngọc	Tuyền	Nữ	11/08/1990	365	305	670	14CTH1LT1	
135	1408355	Trương Thị Thanh	Tuyền	Nữ	06/05/1993	275	215	490	14CKT1LT2-03	
136	1303568	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	04/06/1995	265	200	465	13CQT1	
137	1304332	Phạm Thị	Ty	Nữ	01/05/1995	145	150	295	13CDD2	
138	1303266	Nguyễn Thảo	Uyên	Nữ	19/12/1995	280	290	570	13CTP1	
139	1304759	Lương Thị Ngọc	Vân	Nữ	04/10/1993	330	350	680	13CDD4	
140	1303529	Phún Tú	Vân	Nữ	17/09/1994	200	260	460	13CTP1	
141	1406148	Nguyễn Lê Anh	Vũ	Nam	07/07/1990	305	365	670	14CTH1LT1	

Ghi chú:

Danh sách gồm: 141 sinh viên

Đồng Nai, ngày tháng năm 2016

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI